

## HỆ THỐNG ĐẠI TỪ NHÂN XUNG TIẾNG JRAI (ĐỐI CHIẾU VỚI ĐẠI TỪ NHÂN XUNG TIẾNG VIỆT)

*Hồ Trần Ngọc Oanh\**

### TÓM TẮT

Bài viết này tập trung trình bày những vấn đề cơ bản về *Hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Jrai (đối chiếu với đại từ nhân xưng tiếng Việt)* nhằm xác định những nét tương đồng và dị biệt của đại từ nhân xưng (ĐTNX) trong tiếng Jrai đối chiếu với ĐTNX trong tiếng Việt về đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa, phạm vi sử dụng và sắc thái biểu cảm từ đó thấy được nét đặc sắc văn hoá của người Jrai qua cách dùng từ xưng hô.

Từ khóa: Đại từ nhân xưng trong tiếng Jrai

### 1. Đặt vấn đề

Xưng hô là một hành động ngôn ngữ, được thực hiện trong giao tiếp ở tất cả các cộng đồng người. Mỗi ngôn ngữ đều có hệ thống từ xưng hô và có cách dùng riêng. Hệ thống từ xưng hô của mỗi một dân tộc không những chỉ thực hiện chức năng xưng gọi mà còn thể hiện đặc điểm ngôn ngữ, đặc trưng tâm lý, nếp suy tư và văn hoá giao tiếp của dân tộc đó. Tìm hiểu *Hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Jrai (đối chiếu với đại từ nhân xưng tiếng Việt)*, chúng tôi sẽ xác định những nét tương đồng và dị biệt của đại từ nhân xưng (ĐTNX) trong tiếng Jrai đối chiếu với ĐTNX trong tiếng Việt về đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa, phạm vi sử dụng và sắc thái biểu cảm từ đó thấy được nét đặc sắc văn hoá của người Jrai qua cách dùng từ xưng hô.

### 2. Phân tích hệ thống đại từ nhân xưng tiếng Jrai (đối chiếu với tiếng Việt)

#### 2.1. ĐTNX số ít

##### 2.1.1. ĐTNX ngôi thứ nhất số ít "kào"

Để tự gọi mình, người Jrai dùng từ *kào*. *Kào* được hiểu như là *tôi, tao, tớ, mình...* trong tiếng Việt. *Kào* có mặt hầu hết ở các ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Nam Đảo (như tiếng Êđê, Chăm, Jrai...) và ở các ngôn ngữ này, *kào* mang tính khái quát (sử dụng trong giao tiếp mà không phân biệt tuổi tác, vị thế...).

Trong tiếng Việt, người giao tiếp phải tùy thuộc vào đối tượng và ngữ cảnh để nhập các vai giao tiếp khác nhau. Ngôi người nói trong tiếng Việt được xác định trong mối quan hệ với người khác. Trong tiếng Jrai thì lại khác, ngôi của người nói trong giao tiếp không bị ràng buộc bởi ngữ cảnh giao tiếp và đối tượng tham gia giao tiếp. Trong bất kì hoàn cảnh nào, người Jrai cũng chỉ dùng một ĐTNX số ít duy nhất để tự xưng, đó là *kào*. Xem xét các ví dụ dưới đây, chúng ta sẽ thấy rõ điều này:

a. *Kào buan wat ih, kào amra ngã bruã anũn* (Tôi hứa với ông, tôi sẽ làm việc đó).

b. *Nhò chopat kào amĩ ah* (Nó véo tôi mẹ ạ!).

c. *Kào* *hil biã mã yoh kơ ơng* (Tôi giận mày lắm).

Ở ví dụ a, *kào* được dùng để tự xưng với *ih* (những bậc người lớn hơn mình); ở ví dụ b, *kào* được dùng tương đương như từ *con* trong tiếng Việt khi xưng hô với bố mẹ trong gia đình; ở ví dụ c, *kào* được dùng để tự xưng với *ơng* (ngang hàng hoặc thấp hơn mình, là con trai)... Trong tiếng Jrai, *kào* cũng có sắc thái trung tính, không tự đề cao hay nhún mình, không tỏ ý thân mật, kính trọng hay hạ thấp người đối thoại; đồng thời có phạm vi sử dụng rất rộng, có thể dùng để xưng khi nói với người trên, người ngang hàng hoặc hàng dưới về tuổi tác. Người Jrai sử dụng ĐTNX này để xưng với tất cả các đối tượng từ quan hệ trong gia đình đến ngoài xã hội, nơi công sở, trường học không phân biệt vai giao tiếp, tuổi tác, giới tính, vị thế cao hay thấp; điều này một phần nào đó thể hiện được lối sống thân thiện, bình đẳng của tộc người này.

Như vậy, xét về số lượng cũng như phạm vi sử dụng, ĐTNX ngôi thứ nhất số ít trong tiếng Jrai đã có ít nhiều khác biệt so với ĐTNX ngôi thứ nhất số ít trong tiếng Việt. Để thấy rõ sự khác biệt này hơn nữa, chúng tôi sẽ lần lượt xem xét sự tương ứng giữa đại từ *kào* với đại từ *tao* trong tiếng Việt, *kào* với đại từ *tôi*,...

+ Đại từ *kào* ứng với đại từ *tao* trong tiếng Việt:

Như đã nói ở trên, đại từ *kào* được sử dụng rộng rãi ở mọi đối tượng mang tính chất trung hòa, về điểm này đại từ *kào* có tính chất gần giống với đại từ *I* trong tiếng Anh. Vì thế khi sử dụng *kào* trong xưng hô biểu thị thái độ dân chủ khá rõ, nó không bị chi phối, áp đặt nhiều bởi ngữ cảnh qua các vai giao tiếp.

*Tao* trong tiếng Việt là một trong những đại từ có nguồn gốc lâu đời nhất về phương diện xưng hô và có phạm vi sử dụng hạn chế hơn. Trong xưng hô chuẩn mực người ở vị trí thấp không xưng *tao* với người ở vị trí cao hơn, trong giao tiếp có quy thức nơi công sở thì từ *tao* cũng không được dùng. Trong thực tế giao tiếp, tùy thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp, tuổi tác, vị thế xã hội của nhân vật giao tiếp, vai giao tiếp mà đôi khi từ xưng hô *tao* lại không hoàn toàn biểu thị sắc thái ý nghĩa không lịch sự, suồng sã mà lại mang sắc thái trung hòa hay thân mật. Một điều đặc biệt, trong giao tiếp của đồng bào dân tộc ít người khi dùng tiếng người Kinh, yếu tố nhân xưng *tao* luôn mang sắc thái biểu cảm trung hòa, ví dụ: "Bộ đội cứ về nhà *tao* ở".

+ Đại từ *kào* ứng với đại từ *tôi* trong tiếng Việt:

- *Hlak anũn kào hrãm tơlơi Prang* (Lúc đó tôi học tiếng Pháp).

- *Bu kiang ngã hlun ôh* (Không muốn làm nô lệ).

Từ *tôi* trong tiếng Việt, sau khi trở thành một đại từ vẫn còn lưu giữ một phân lượng nghĩa từ vựng của *tôi* danh từ, tức là nghĩa "đầy tớ". Vì thế mà *tôi* đại từ không những chỉ "ngôi 1 số ít" mà còn mang cái ý "khiêm tốn" hay "cung kính". Trong quan hệ giao tiếp có quy thức ở tiếng Việt, *tôi* được xem là đại từ trung tính được sử dụng khi làm việc nơi công sở và ở các đoàn thể.

Qua vài nét phân tích sơ lược, có thể thấy rằng, các đại từ ngôi thứ nhất số ít trong tiếng Việt nhiều hơn về số lượng, đa dạng phong phú về cấu tạo, cụ thể trong cách diễn đạt và mang sắc thái biểu cảm khá rõ so với đại từ ngôi thứ nhất số ít trong tiếng Jrai. Từ *kào* mang tính khái quát hơn, đại diện cho tất cả các vai giao tiếp và mang sắc thái trung hòa vừa phải.

### 2.1.2. ĐTNX ngôi thứ hai số ít "ih, ha, me, ơng, nô, mớ"

Trong tương quan với ĐTNX ngôi 1 số ít, ĐTNX ngôi thứ 2 số ít trong tiếng Jrai có số lượng nhiều hơn hẳn. *Ih, ha, me, ơng, nô, mớ* đều có nghĩa tương đương với đại từ *mày, mi, người*... trong tiếng Việt. Tuy nhiên, phạm vi sử dụng và sắc thái biểu cảm của ĐTNX ngôi 2 số ít trong tiếng Jrai và tiếng Việt lại hoàn toàn khác nhau. Nếu như đại từ *mày, bay, mi*... được dùng để gọi người đối thoại với sắc thái thân mật, suồng sã hay thô tục, khinh thường; thì các ĐTNX ngôi 2 số ít trong tiếng Jrai có phạm vi sử dụng hạn chế hơn (sắc thái phân biệt khá nghiêm ngặt) nhưng lại biểu đạt sắc thái biểu cảm phong phú hơn. Để gọi người đối thoại với mình (người nghe), người Jrai sử dụng các đại từ trên với các nét nghĩa tình thái khác nhau.

Khi gọi người nghe là *ih*, người nói có ý biểu thị sự kính trọng nể nang trong quan hệ không gần gũi hoặc đánh giá cao người nghe, hoặc có phần khách sáo trong những tình huống giao tiếp đòi hỏi tính quy thức. Thường thì người ta dùng *ih* khi nói với những bậc người lớn tuổi hơn hoặc có vị thế xã hội cao hơn mình và không có sự phân biệt giới tính nam nữ. Ví dụ:

- *Ih druk jrum tui anai hỏ* (Chị luôn kim theo đây nhé!)

- *Ih bloy monũ anai pomã đơi* (Anh mua gà này mắc quá).

Ngược lại, khi gọi người nghe là *ha*, người nói có ý biểu thị sự thân mật hoặc suồng sã trong quan hệ gần gũi, hoặc có khi là đánh giá thấp người nghe. Thường thì *ha* được dùng khi nói với người nhà (ít tuổi hoặc có vị thế xã hội thấp hơn mình). Khi nói với những người quen biết thân thiết (không cần khách sáo) hoặc đôi khi muốn tạo nên sự gần gũi, người ta cũng dùng *ha*. Từ *ha* được sử dụng cũng không có sự phân biệt giới tính nam nữ.

Như vậy, phạm vi phân bố các ĐTNX biểu thị các sắc thái biểu cảm của ngôi nhân xưng này trong tiếng Jrai rộng hơn và đầy đủ hơn so với tiếng Việt (bao gồm cả sắc thái lịch sự và không lịch sự). Khác với ĐTNX trong tiếng Việt, ĐTNX ngôi hai số ít trong tiếng Jrai còn có các cặp đại từ dùng để gọi người đối thoại với mình, có vị thế xã hội và tuổi tác thấp hơn mình được đối lập nhau theo "giống sinh học" [1, tr.191] (giới tính nam và nữ), đó là sự đối lập giữa *ơng* với *me* và sự đối lập giữa *nô* và *mớ*. Trong tiếng Việt thì các ĐTNX không có sự phân biệt giới tính và đều có sắc thái suồng sã (*mày, mi, người*), và những từ có sự phân biệt giới (*chàng – nàng*) thì hiện nay không còn được sử dụng phổ biến trong cách xưng hô của người Việt nữa. Trong tiếng Jrai, *ơng* có nghĩa là *mày*, nhưng chỉ dùng trong trường hợp khi người đối thoại với

mình là con trai, có vị thế hoặc tuổi thấp hơn hoặc ngang hàng với mình, có sắc thái thân mật, bình đẳng. *Me* cũng có nghĩa là *mày*, nhưng chỉ được dùng khi người đối thoại là con gái. Cặp đối lập *nô* và *mở* được dùng để gọi người cách mình một thế hệ, tức là để gọi con cháu và cũng có sắc thái thân mật, gần gũi. *Nô* được sử dụng khi muốn tỏ thái độ cung chiêu và người được gọi là con trai, *mở* cũng có chức năng như vậy nhưng người được gọi là con gái.

Đây là một nét đặc biệt của ĐTNX ngôi 2 số ít trong tiếng Jrai so với ĐTNX cùng ngôi trong tiếng Việt. Điều này thể hiện được phần nào sự khác nhau về tâm lý, nguyên tắc xưng hô giao tiếp của hai dân tộc này. Người Việt luôn xưng và hô theo nguyên tắc "xưng khiêm hô tôn", tức là gọi mình thì khiêm nhường mà gọi đối tượng giao tiếp thì tôn kính. Đây là cách xưng hô thể hiện tính tôn ti, kỹ lưỡng và thận trọng. Ngược lại, trong mối quan hệ tương tác với hai vai giao tiếp quan trọng nhất (ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai) vừa nói, người Jrai không có ý biểu lộ tình thái bằng *káo*. Nói cách khác, *káo* không giúp người nói bày tỏ sự nhún mình cũng như tôn cao mình lên. Tuy nhiên, trong khi không tự "khiêm" với chính mình, thì người Jrai lại rất chú ý đến sự đánh giá vị thế xã hội của người trò chuyện cùng mình: hoặc có thể thân mật, gần gũi hoặc suông sã, hoặc có thể kính trọng, nể nang. Đây là một trong những nét khá lí thú trong cách xưng hô của người Jrai.

### 2.1.3. ĐTNX ngôi thứ ba số ít "nhô"

Khi gọi sự vật, hiện tượng (người, động vật, đồ vật) khác với người nói và người nghe, người Jrai dùng *nhô*. *Nhô* (còn có cách viết khác là *nhu*, *nhơ*) trong tiếng Jrai được hiểu là *nó*, *hắn*, *y*, *thị*... trong tiếng Việt. Ví dụ:

- *Nhô djai yua kơ lơn ia* (Nó hi sinh vì Tổ quốc).
- *Nhô đơai pojang nao pơ káo* (Nó chạy đến cầu cứu tôi).

Có thể thấy, *nhô* là một đại từ có sắc thái trung tính. Nói cách khác, bằng việc sử dụng *nhô*, người Jrai không bày tỏ thái độ, tình cảm gì đặc biệt với sự vật hiện tượng đang được nói đến. Với sắc thái trung tính này, *nhô* được sử dụng trong phạm vi rộng, dùng để gọi bất kì sự vật hiện tượng nào, và đặc biệt khi gọi người thì không có ý "coi thường, coi khinh". Điều này rất khác trong tiếng Việt. Từ *nó* dùng để chỉ cho cả người và vật, cả người lớn và trẻ con với hàm ý thân mật hoặc coi thường. Đại từ này cùng với *tao* – *mày* làm thành một thế tương liên về ngôi, ba yếu tố này có cùng một sắc thái biểu cảm. Ngoài từ *nó*, người Việt còn dùng đại từ *hắn* – từ dùng để gọi người với hàm ý không coi trọng hoặc thân mật, *y (thị)* – từ dùng để gọi người đàn ông (đàn bà) với hàm ý ít nhiều coi thường, *gã* – từ dùng để gọi người đàn ông nào đó với hàm ý coi là xa lạ hoặc không có thiện cảm.

Như vậy, nếu như ĐTNX ngôi thứ 3 số ít trong tiếng Jrai có số lượng rất hạn chế và chỉ biểu hiện sắc thái trung hòa, không phân biệt giới tính thì ĐTNX ngôi thứ ba số ít trong tiếng Việt có số lượng nhiều hơn đồng thời thể hiện sắc thái biểu cảm và giới tính

khá rõ.

## 2.2. ĐTNX số nhiều

### 2.2.1. ĐTNX ngôi thứ nhất số nhiều

**Ta, gomoi, gop moi, gop kâo, bing ta, bing moi, phung moi** đều là đại từ ngôi thứ nhất số nhiều trong tiếng Jrai chỉ nhóm người hay đại diện cho nhóm người đang nói, tương ứng với tiếng Việt là:

+ **Ta**: ta, chúng mình, chúng ta.

Ví dụ: *Bơ bẻ ta nao lăng*. (Chúng ta hãy đi thử xem).

+ **Gomoi**: chúng tôi. Ví dụ: *Sang gomoi kom* (Nhà chúng tôi kiêng cử).

+ **Gop moi, phung moi**: bọn chúng tôi, **Gop kâo**: bọn tôi, **bing ta**: chúng ta, **bing moi**: chúng mình

Rõ ràng, cũng giống như ngôn ngữ của nhiều dân tộc ở Việt Nam, ở ngôi thứ nhất số nhiều trong tiếng Jrai cũng có sự đối lập giữa ngôi gộp và ngôi trừ. Ngôi gộp có nghĩa là gộp cả người nói và người nghe, như: **ta, bing ta, bing moi**, ngôi trừ là loại trừ người nghe, chỉ còn lại những người nói như: **gomoi, gop kâo, gop moi, phung moi**. Ở đây, cần chú ý đến chức năng ngữ pháp của các từ **bing** (chúng, bọn, lũ), **gop** (chúng), **gomoi** (bọn, đồng bọn), **phung** (bọn, lũ, đoàn). Các từ này với tư cách là một hình vị dùng để chỉ số lượng người lớn. Đồng thời nó tạo nên một cụm đại từ để nhấn mạnh, khu biệt tập hợp người được nói đến góp phần tạo ý nghĩa cho phát ngôn mà người nói, người viết muốn nói tới. Với các đại từ ngôi hai và ba, các từ trên cũng có chức năng ngữ pháp tương tự.

Về đặc điểm này, ĐTNX số nhiều ở tiếng Jrai cũng có nét tương đương với ĐTNX số nhiều trong tiếng Việt. Người Việt sử dụng từ **chúng** để cấu tạo phạm trù số (số nhiều) bằng cách kết hợp **chúng** với các ĐTNX gốc số ít ở tất cả các ngôi nhân xưng: Ngôi thứ I: **chúng + tôi** → **chúng tôi**; ngôi thứ II: **chúng + mày** → **chúng mày**; ngôi thứ III: **chúng + nó** → **chúng nó**.

So với ĐTNX ngôi thứ nhất số nhiều trong tiếng Jrai, ĐTNX ngôi nhất số nhiều trong tiếng Việt có số lượng nhiều hơn và hình thức cấu tạo cũng đa dạng, phong phú hơn, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp cụ thể của người Việt. Cả hai hệ thống ĐTNX ngôi thứ nhất số nhiều trong tiếng Jrai và trong tiếng Việt đều biểu thị sắc thái biểu cảm trung hòa, vừa phải.

### 2.2.2. ĐTNX ngôi thứ hai số nhiều

Trong tiếng Jrai, ĐTNX ở ngôi thứ hai chỉ có hai từ: **gih và phung gih**, ít hơn rất nhiều so với ĐTNX ở ngôi này trong tiếng Việt. Phạm vi sử dụng và sắc thái biểu cảm của hai hệ thống này cũng khác nhau.

Nếu như ở ĐTNX ngôi thứ hai số ít có bốn từ: **ih, ha, me, ơng**, có phạm vi sử

dụng, sắc thái biểu cảm khác nhau và có phân biệt giới tính khi sử dụng (*ha, me*); thì ở ngôi thứ hai số nhiều lại không có sự phân biệt rạch ròi như vậy. *Gih* được dùng khi gọi một nhóm người, thường là những bậc người lớn tuổi hơn mình hoặc có vị thế xã hội cao hơn. *Dum chô bing gih?* (các anh có bao nhiêu người?). *Phung gih* thì được dùng để gọi nhóm người đối thoại với mình trong những trường hợp mà ít cần sự trang trọng, khách sáo hơn.

Như vậy, về số lượng, ĐTNX ngôi thứ hai số nhiều trong tiếng Jrai ít hơn hẳn so với ĐTNX ngôi hai số nhiều trong tiếng Việt (2 so với 7). Nhưng xét về sắc thái biểu cảm thì rất dễ dàng nhận thấy các ĐTNX tiếng Việt vắng hẳn các yếu tố mang sắc thái trang trọng, trung hòa, thân mật và chủ yếu mang sắc thái thô tục khinh thường. Đây là điểm khác nhau rất đáng chú ý khi so sánh hai hệ thống ĐTNX này, từ đó có thể khái quát lên được những nét đặc trưng tâm lý của mỗi dân tộc.

### 2.2.3. ĐTNX ngôi thứ ba số nhiều

Để trợ người được nhắc đến, số nhiều thì người Jrai dùng các từ: *gonhō, gonhu, bing gonhō, phung gonhō*. Trong ngôi này, các từ *bing, phung, gō* kết hợp với *nhō* (còn viết, đọc là nhu, nhơ) – ngôi thứ ba số ít để tạo nên các đại từ ngôi thứ ba số nhiều.

- Ví dụ: - *Gonhō ngă bōng klă* (Chúng nó làm ăn tốt)  
 - *Bing gonhō hrăm hră rōgōi* (Họ học hành giỏi).  
 - *Gonhō khăp todruă gonhō*. (Họ thương nhau).

Cũng như ở các ngôi nói nhiều vừa nói trên, so sánh với ngôi số nhiều trong tiếng Việt, nét nghĩa tình thái có hàm ý hạ thấp đối tượng được nói đến hoặc có tạo ra sự xa cách so với người nói trong tiếng Việt thì không thấy có trong ĐTNX tiếng Jrai.

Như vậy, ban đầu, ĐTNX vốn là những đơn vị xưng hô mang tính chất trung tính (không chứa đựng các nội dung tình thái). Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng, do nhiều nguyên nhân khác nhau, tính chất đó rất dễ bị thay đổi. Thực tế ở nhiều ngôn ngữ cho thấy, từ chỗ chỉ được sử dụng với mục đích xưng hô, dần dần các ĐTNX cũng được sử dụng như một phương tiện để biểu thị thái độ, tình cảm của người nói. Trong thực tế đời sống ngôn ngữ, các nhân vật hội thoại khi dùng ĐTNX bị lệ thuộc vào nhiều nhân tố, như: tuổi tác, vị thế xã hội của các nhân vật giao tiếp, không gian giao tiếp, nhân tố giới tính, nhân tố kiêng kỵ.

### 3. Kết luận

Các ĐTNX trong tiếng Jrai hầu như chỉ thể hiện ở hai sắc thái biểu cảm (trang trọng và trung hòa vừa phải), điều này biểu đạt tính bình đẳng khá cao trong giao tiếp của tộc người này. Trong khi đó, các ĐTNX trong tiếng Việt có số lượng nhiều, đa dạng về cấu tạo và mang sắc thái biểu cảm cao (chủ yếu phân bố ở sắc thái thân mật, suồng sã và thô tục khinh thường).

Quy tắc cơ bản nhất trong xưng hô của người Jrai là sự bình đẳng trên cơ sở tôn trọng người lớn tuổi. Biểu hiện rõ nhất của quy tắc này là ở chỗ, trong giao tiếp thường ngày, tùy theo từng đối tượng giao tiếp, người Jrai có thể có nhiều cách gọi khác nhau nhưng khi xưng thì tất cả đều giống nhau: mọi người đều xưng là *káo* bất kể người đối thoại với mình là ai. Sự uyển chuyển linh hoạt ở các ĐTNX trong tiếng Jrai về cách thức sử dụng của nó phần nào cho thấy người Jrai rất coi trọng cuộc sống cộng đồng, gắn kết số phận với cộng đồng để tồn tại và phát triển. Xuất phát từ phong tục, tập quán, điều kiện, môi trường lao động, hoàn cảnh sống mà người Jrai đơn giản, ngắn gọn, mộc mạc trong việc dùng từ xưng hô để giao tiếp. Rõ ràng, cách dùng các ĐTNX để xưng hô trong tiếng Jrai phần nào đã thể hiện được nét văn hoá đặc sắc của tộc người này trong phương diện giao tiếp, ứng xử văn hóa.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Chiến (1992), *Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Trường ĐHSPNN Hà Nội.
- [2] Trương Thị Diễm (2002), *Từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh.
- [3] Nguyễn Minh Hoạt (2007), "Đại từ nhân xưng trong tiếng Êđê (đối chiếu với tiếng Việt)", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 6, tr 72-80.
- [4] Hoàng Văn Ma (2002), "Cách thức xưng hô trong tiếng Tày", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1, tr 15-26.
- [5] Hoàng Phê (chủ biên, 2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [6] Siu Poi (1998), *Từ điển J'rai – Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Robert Lado (2003), *Ngôn ngữ học qua các nền văn hoá* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb ĐHQG Hà Nội.

### PRONOUN SYSTEM IN JRAI LANGUAGE (COMPARED WITH PRONOUN SYSTEM IN VIETNAMESE)

*Ho Tran Ngoc Oanh*

*The University of Danang - University of Science and Education*

#### ABSTRACT

This article is aimed at presenting the pronoun system in Jrai language (compared with pronoun system in Vietnamese) to define the similarities and differences between the pronouns in Jrai language and in Vietnamese in terms of the structural characteristics, semantics, the scope of usage and the expressive shade of meaning; thenceforth, we can find the special features in the culture of Jrai people through their using the pronouns.

Key word: the pronouns in Jrai language

\*Th.S Hồ Trần Ngọc Oanh, Email: hotranngocoanh@gmail.com, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng